|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**Số: /BC-BKHCNDỰ THẢO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |
|  |  |

**BÁO CÁO**

**Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành**

**Luật Công nghiệp công nghệ số**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định). Kết quả rà soát như sau:

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT**

**1. Mục đích, yêu cầu rà soát**

a) Bám sát chủ trương, chính sách của Đảng, các nhiệm vụ, giải pháp trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng liên quan đến: công nghiệp công nghệ số (sau đây viết tắt là CNCNS); liên quan đến hoàn thiện pháp luật; đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp trong quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp hoạt động CNCNS để thể chế hóa đầy đủ, kịp thời thành quy phạm pháp luật.

b) Bảo đảm việc xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý về CNCNS thống nhất, đồng bộ, minh bạch, phù hợp với Hiến pháp và pháp luật và các điều ước quốc tế có liên quan, đáp ứng yêu cầu đưa CNCNS đóng góp thiết thực và ngày càng hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia.

**2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát**

***2.1. Các văn bản của Đảng và chủ trương, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp trong các văn bản của Đảng***

a) Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định:

- Ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như công nghiệp công nghệ số, công nghiệp quốc phòng, an ninh, năng lượng, ...; rà soát, hoàn thiện luật chuyên ngành về ..., bưu chính, công nghệ thông tin, viễn thông và các luật có liên quan.

- Ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên của các ngành công nghiệp nền tảng: …; công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chip bán dẫn).

- Chuyển dịch nhanh từ gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, thiết kế và sản xuất tại Việt Nam; tăng cường chính sách đặt hàng, giao nhiệm vụ sản xuất, chính sách mua sắm công theo hướng ưu tiên sử dụng hàng hóa trong nước, nâng cao giá trị gia tăng và tỷ lệ nội địa hóa.

- Xây dựng khung pháp luật cho phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số; ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, các chính sách thí điểm, đặc thù cho các hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số và nền tảng số.

Kế hoạch số 13-KH/TW của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định một trong các nhiệm vụ trọng tâm là: “Đẩy nhanh việc thể chế hoá, cụ thể hoá các chủ trương, đường lối của Đảng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như công nghiệp công nghệ số, …”.

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đưa ra phương hướng, nhiệm vụ giải pháp:

- Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội; đẩy nhanh chuyển đổi số đối với một số ngành, lĩnh vực đã có điều kiện, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số, kết nối 4G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, internet kết nối vạn vật, an ninh mạng, năng lượng sạch, công nghệ môi trường để chuyển đổi, nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế.

- Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao: công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp điện tử - viễn thông, công nghiệp sản xuất rô bốt, ô tô, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số, công nghiệp an toàn thông tin; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới, ... viễn thông và công nghệ thông tin, ...

- Quan tâm đầu tư đúng mức nghiên cứu khoa học cơ bản; tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ lõi, công nghệ số; nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong nước để có thể triển khai các hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, tập trung phát triển công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng cao, nhất là công nghệ số, ...

c) Tại Khoản 3 Mục III Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định:

- Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như: công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; …; ưu tiên nguồn lực cho triển khai một số chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia về các công nghệ ưu tiên, trọng tâm là: công nghệ thông tin và truyền thông,…

- Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo; sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm.

d) Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định quan điểm, giải pháp, nhiệm vụ:

- Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo; đẩy nhanh tích hợp công nghệ thông tin và tự động hóa trong sản xuất công nghiệp nhằm tạo ra các quy trình sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh, phát triển sản xuất các sản phẩm, thiết bị thông minh.

- Giai đoạn đến năm 2030, tập trung ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp như: công nghệ thông tin và viễn thông, công nghiệp điện tử ở trình độ tiên tiến của thế giới, đáp ứng được yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm tạo ra nền tảng công nghệ số cho các ngành công nghiệp khác; giai đoạn 2030 - 2045, tập trung ưu tiên phát triển các thế hệ mới của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông.

- Phát triển mạnh mẽ tạo sự bứt phá về hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông, nhất là hạ tầng kết nối số (4G, 5G) bảo đảm an toàn, đồng bộ đáp ứng yêu cầu Internet kết nối con người và kết nối vạn vật.

đ) Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 24/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với nhiều chủ trương về phát triển công nghiệp công nghệ số như:

- Mục tiêu đến 2030: “… nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế. Tối thiểu có 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến.”.

- Mục tiêu đến năm 2045: “…là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỉ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển; tối thiểu có 10 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến…”.

***2.2. Các quy định của pháp luật***

a) Ngày 14/6/2025, Quốc hội khoá XV đã thông qua Luật Công nghiệp công nghệ số. Trong đó, khoản 4 Điều 13, khoản 1 Điều 19, khoản 3 Điều 20 giao Chính phủ quy định chi tiết về (1) Hoạt động công nghiệp công nghệ số, (2) Tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, (3) Thu hút, trọng dụng nhân tài công nghệ số.

b) Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên đã nêu: “Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; “đề cao phương pháp “quản lý thảo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.”.

**II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT**

**1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo**

***1.1.*** Tổng số văn bản của Đảng có chủ trương, đường lối liên quan đến dự thảo Nghị định đã được rà soát là: 05 văn bản.

***1.2.*** Kết quả rà soát cho thấy nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến phát triển CNCNS; đã thể chế hóa các nhiệm vụ, giải pháp được giao trong các văn bản của Đảng.

**2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo**

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến dự thảo Nghị định:

- Tổng số luật: 01.

- Tổng số nghị quyết của Quốc hội: 01.

Qua rà soát cho thấy nội dung quy định của dự thảo Nghị định hợp pháp, bảo đảm tính thống nhất với trong hệ thống pháp luật.

**3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định**

Qua rà soát cho thấy không có điều ước quốc tế liên quan trực tiếp đến nội dung dự thảo Nghị định.

**4. Phụ lục** *(xin gửi kèm theo Báo cáo này).*

Trên đây là Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng Chính phủ;- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp;- Bộ KH&CN: Vụ PC, VP Bộ, Vụ KHTC;- Lưu: VT, CNCNTT. | **BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Mạnh Hùng** |

**Phụ lục**

**1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị định**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN** | **CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG** | **ĐÁNH GIÁ(Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)** | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** |
| **I. Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045** |
| Toàn bộ dự thảo Nghị định và Luật CNCNS.Chương V – Thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (gồm 21 điều, từ Điều 17 đến Điều 37). | - Ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như công nghiệp công nghệ số, công nghiệp quốc phòng, an ninh, năng lượng, ...; rà soát, hoàn thiện luật chuyên ngành về ..., bưu chính, công nghệ thông tin, viễn thông và các luật có liên quan.- Ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên của các ngành công nghiệp nền tảng: …; công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chip bán dẫn).- Chuyển dịch nhanh từ gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, thiết kế và sản xuất tại Việt Nam; tăng cường chính sách đặt hàng, giao nhiệm vụ sản xuất, chính sách mua sắm công theo hướng ưu tiên sử dụng hàng hóa trong nước, nâng cao giá trị gia tăng và tỷ lệ nội địa hóa.- Xây dựng khung pháp luật cho phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số; ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, các chính sách thí điểm, đặc thù cho các hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số và nền tảng số. Kế hoạch số 13-KH/TW của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định một trong các nhiệm vụ trọng tâm là: “Đẩy nhanh việc thể chế hoá, cụ thể hoá các chủ trương, đường lối của Đảng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như công nghiệp công nghệ số, …”. |  Đã thể chế hóa đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi được phân công quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật CNCNS |   |
| **II. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030** |
| Toàn bộ dự thảo Nghị định và Luật CNCNS  | - Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội; đẩy nhanh chuyển đổi số đối với một số ngành, lĩnh vực đã có điều kiện, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số, kết nối 4G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, internet kết nối vạn vật, an ninh mạng, năng lượng sạch, công nghệ môi trường để chuyển đổi, nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế.- Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao: công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp điện tử - viễn thông, công nghiệp sản xuất rô bốt, ô tô, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số, công nghiệp an toàn thông tin; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới, ... viễn thông và công nghệ thông tin, ...- Quan tâm đầu tư đúng mức nghiên cứu khoa học cơ bản; tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ lõi, công nghệ số; nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong nước để có thể triển khai các hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, tập trung phát triển công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng cao, nhất là công nghệ số, ... |  Đã thể chế hóa đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi được phân công quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật CNCNS |   |
| **III. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư**  |
| Chương VI – Thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (gồm 21 điều, từ Điều 30 đến Điều 50). | - Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như: công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; …; ưu tiên nguồn lực cho triển khai một số chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia về các công nghệ ưu tiên, trọng tâm là: công nghệ thông tin và truyền thông,… - Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo; sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm. |  Đã thể chế hóa đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi được phân công quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật CNCNS |   |
| **IV. Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**  |
| Toàn bộ dự thảo Nghị định và Luật CNCNS | - Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo; đẩy nhanh tích hợp công nghệ thông tin và tự động hóa trong sản xuất công nghiệp nhằm tạo ra các quy trình sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh, phát triển sản xuất các sản phẩm, thiết bị thông minh.- Giai đoạn đến năm 2030, tập trung ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp như: công nghệ thông tin và viễn thông, công nghiệp điện tử ở trình độ tiên tiến của thế giới, đáp ứng được yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm tạo ra nền tảng công nghệ số cho các ngành công nghiệp khác; giai đoạn 2030 - 2045, tập trung ưu tiên phát triển các thế hệ mới của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông.- Phát triển mạnh mẽ tạo sự bứt phá về hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông, nhất là hạ tầng kết nối số (4G, 5G) bảo đảm an toàn, đồng bộ đáp ứng yêu cầu Internet kết nối con người và kết nối vạn vật. |  Đã thể chế hóa đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi được phân công quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật CNCNS |   |
| **V. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 24/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia** |
| Toàn bộ dự thảo Nghị định và Luật CNCNS.Chương V – Thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (gồm 21 điều, từ Điều 17 đến Điều 37). | - Mục tiêu đến 2030: “… nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, *trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế.* Tối thiểu có 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến.”.- Mục tiêu đến năm 2045*: “…là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giớ*i; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỉ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển; tối thiểu có 10 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến…”. |  Đã thể chế hóa đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi được phân công quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật CNCNS |   |

**2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN** | **QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN** | **ĐÁNH GIÁ(Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)** | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** |
| **I. Luật Công nghiệp công nghệ số** |
| Chương II. Hoạt động CNCNS, sản phẩm, dịch vụ CNCNS (gồm 07 điều, từ Điều 4 đến Điều 10) | Điều 13 của Luật CNCNS: Hoạt động công nghiệp công nghệ số | Phù hợp |   |
| Chương III. Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số (gồm 03 điều, từ Điều 11 đến Điều 13). | Mục 3 Chương II của Luật CNCNS: Nhân lực CNCNS. | Phù hợp |  |
| Chương IV – Thông tin về công nghiệp công nghệ số (gồm 03 điều, từ Điều 14 đến Điều 16). | Mục 9 Chương II của Luật CNCNS: Thông tin về CNCNS. | Phù hợp |  |
| Chương V – Thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (gồm 21 điều, từ Điều 17 đến Điều 37). | Điều 8 của Luật CNCNS: Thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số | Phù hợp |  |
| **II. Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên** |
| Chương IV – Thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (gồm 21 điều, từ Điều 30 đến Điều 50). | Tại điểm 2: “*Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; “đề cao phương pháp “quản lý thảo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát*.” . | Phù hợp |  |

**3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định:** không có./.